

Bản án số: **03** /2023/DS-ST  
Ngày: 16 - 01 - 2023  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Đạo;

Ông Nguyễn Thanh Lâm;

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2022/TLST – DS ngày 18 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ L (Thẩm), sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp B 3, xã B, huyện B, tỉnh E.

2. Bị đơn: Lê Thanh T, sinh năm 1985 (Vắng)

Địa chỉ : Ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh E.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 26/04/2022, bản tự khai ngày 10/8/2022, và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Năm 2021 bà có cho ông Lê Thanh T mượn tiền. Cụ thể như sau:

Lần 1 ngày 09/11/2021 âm lịch bà cho ông Lê Thanh T mượn 40.000.000 đồng có viết giấy tay.

Lần 2 ngày 26/12/2021 âm lịch bà cho ông Lê Thanh T mượn 30.000.000 đồng có viết giấy tay.

Tổng cộng hai lần bà cho ông Lê Thanh T mượn 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Khi mượn tiền ông T hứa trong vòng 04 tháng sẽ trả lại cho bà nhưng cho đến nay ông T vẫn chưa trả. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh T trả lại 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi suất.

\* Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai cho bị đơn ông Lê Thanh T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Lê Thanh T.

\* *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn. Đối với bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463,466 Bộ luật dân sự 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Lê Thanh T. Buộc ông Lê Thanh T phải trả số tiền nợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ L là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Ghi nhận bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu ông Lê Thanh T trả lãi suất của số tiền nêu trên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **- Về tố tụng:**

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thanh T trả cho chị số tiền nợ là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Giấy xác nhận của Công an xã Bình Thới thì bà Lê Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 4 xã Bình Thới, huyện B, tỉnh E nên Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

[3] *Về địa chỉ, nơi cư trú bị đơn*: Hiện tại ông Lê Thanh T không có sinh sống tại ấp 4 xã Bình Thới, huyện B nhưng trong giấy tay mượn tiền ngày 09/11/2021 âm lịch ông T có ghi địa chỉ của ông là ấp 4 xã Bình Thới, huyện B, tỉnh E nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

**- Về nội dung:**

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu một mình bà Lê Thanh T phải trả số tiền nợ hụi là 70.000.000 đồng*. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện căn cứ vào giấy tay mượn tiền ngày 09/11/2021 âm lịch và ngày 26/12/2021 âm lịch để yêu cầu ông Lê Thanh T trả lại cho ông số tiền 70.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo các chứng cứ nêu trên cho bị đơn Lê Thanh T nhưng ông T không có ý kiến gì cũng không tham gia tố tụng điều đó chứng tỏ T đã từ bỏ quyền bác bỏ yêu cầu của người khác đối với mình theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời ông T không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà bà L đưa ra nên đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo giấy tay mượn tiền ngày 09/11/2021 âm lịch và ngày 26/12/2021 âm lịch giữa ông T và bà L có xác lập quan hệ mượn tiền với nhau mượn hai lần : lần 1 ngày 09/11/2021 âm lịch bà cho ông Lê Thanh T mượn 40.000.000 đồng có viết giấy tay. Lần 2 ngày 26/12/2021 âm lịch bà cho ông Lê Thanh T mượn 30.000.000 đồng có viết giấy tay, tổng cộng hai lần bà cho ông Lê Thanh T mượn 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Phía bà L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay nhưng ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay và còn nợ lại bà L 70.000.000 đồng. Ông T đã vi phạm nghĩa trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật dân sự 2005 nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L là có căn cứ nên được chấp nhận. Cụ thể buộc ông Lê Thanh T trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Lê Thanh T phải chịu án phí là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009293 ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 72, 92, 147, 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463,466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Lê Thanh T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc ông Lê Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Mỹ L ý số tiền vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng)

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Thanh T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Thanh T phải chịu án phí là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009293 ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, bị đơn ông Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã ký

**Lê Thị Thu Hương**